TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v tranh chấp về "Hôn nhân và Gia đình Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sết.
2. Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về tranh chấp *"Hôn nhân và Gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chánh H, xã Bình L, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Phú V, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 11/3/2019 nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy Tr trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm, chị với anh V được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày 24/8/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ nhau, anh V không lo lắng gì đến vợ con kéo dài đến tháng 5/2011 do không thể tiếp tục chịu

đựng nên chị đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm giữa chị với anh V không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 08/7/2006 hiện đang do chị Tr nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Ngoài ra chị còn có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn phải đi làm ăn xa.

Anh Lê Phú V đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh V với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[3] Chị Tr có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr với anh V tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và đã đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông nên hôn nhân của anh, chị được công nhận. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2011, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Tr, anh V có 01 đứa con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh ngày 08/7/2006. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu D đã sống chung với chị Tr, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu D đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị Tr có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D của chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao cháu D cho chị Tr nuôi dưỡng. Anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[7]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Chị Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Tr yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005606 ngày 28/3/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Anh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Lê Phú V.

2. Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 08/7/2006. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005606 ngày 28/3/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Anh V không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.